

Bản án số: 07 /2019/ HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2019
V/v không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Y Đo Niê; ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Vũ Thị L sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Bà L có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* ông Phạm Ngọc T sinh năm 1972. Địa chỉ: thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:***

Bà L và ông Phạm Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 12 năm 1993, được gia đình tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn vì tại thời điểm đó bà L chưa đủ tuổi kết hôn. Do không hiểu biết pháp luật nên khi bà L đủ tuổi kết hôn, ông T và bà L vẫn chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, bà L và ông T thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Hơn 4 năm nay, ông T thường xuyên đi làm công nhân hay thợ hồ, thỉnh thoảng mới về nhưng không đưa tiền về cho bà L chăm sóc con cái. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, bà L không còn tình cảm với ông T. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà L và ông T có 03 con chung là Phạm Thị B sinh năm 1995; Phạm Đức T1 sinh năm 1997 và Phạm Ngọc Q sinh năm 2001. Các con đều đã thành niên và tự lập, nên bà L không có yêu cầu gì về vấn đề nuôi con.

Về tài sản chung: bà L và ông T tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Phạm Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và con cái, ông T thống nhất như bà L trình bày. Ông T và bà L được gia đình tổ chức đám cưới từ năm 1993 và tự nguyện chung sống với nhau đến nay, do không am hiểu pháp luật nên không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, ông T và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà L bài bạc, bán xe và tài sản của gia đình. Từ năm 2017 đến nay, ông T làm nghề xây dựng ở xa nhưng không gửi tiền về nhà vì sợ bà L dùng vào mục đích đánh bạc. Ông T thường xuyên đi làm xa nên cũng không biết hiện nay bà L làm gì ở nhà. Ông T vẫn còn tình cảm với bà L, nhưng xét thấy bà L không còn muốn tiếp tục chung sống với ông T nên ông T chấp nhận yêu cầu của bà L. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Vũ Thị L.

Về con cái: ông T và bà L có 03 con chung là Phạm Thị B sinh năm 1995; Phạm Đức T1 sinh năm 1997 và Phạm Ngọc Q sinh năm 2001. Các con đều đã thành niên và tự lập, nên ông T không có yêu cầu gì về việc nuôi con.

Về tài sản chung: ông T và bà L tự thỏa thuận chia, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận bà Vũ Thị L và ông Phạm Ngọc T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc T trú tại thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ nhất vào ngày 12/7/2018, bị đơn ông T vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa. Phiên tòa thứ hai, bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bà L và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993. Bà L và ông T có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình (HNGĐ). Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại Khoản 1 Điều 14 của Luật HNGĐ quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con cái và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Do bà L và ông T không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật, nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

Về con cái: Bà L và ông T 03 con chung là Phạm Thị B sinh năm 1995; Phạm Đức T1 sinh năm 1997 và Phạm Ngọc Q sinh năm 2001. Các con của ông T và bà L đều đã thành niên và tự lập, nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản: ông T và bà L không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà L là nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị L và ông Phạm Ngọc T.

- Về án phí: bà Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số AA/2017/0006244 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

Thông báo quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
- UBND xã EaMĐoal;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương